

# QUẢN LÝ NHÓM TRẺ ĐỘC LẬP TƯ THỰC Ở KHU CÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

VŨ THỊ NGỌC MINH - NGUYỄN THỊ NGA - NGUYỄN THỊ TRANG\*

Ngày nhận bài: 13/06/2016; ngày sửa chữa: 14/06/2016; ngày duyệt đăng: 14/06/2016.

**Abstract:** This article presents the status of management on private child groups in industrial zones in Vietnam and suggests some recommendations to improve the efficiency of managing on the private child groups, meeting the needs of families and society.

**Keywords:** Management, private child group, industrial zones.

**T**rong bối cảnh hiện nay, loại hình nhóm trẻ độc lập tư thực (ĐLTT) tại khu công nghiệp xuất hiện và gia tăng với tốc độ nhanh chóng. Thực tiễn cho thấy, hệ thống cơ sở giáo dục mầm non (GDMN) công lập hiện chưa đáp ứng được hết nhu cầu của xã hội về chăm sóc - giáo dục (CS-GD) trẻ (đặc biệt trẻ dưới 3 tuổi), vì thế loại hình nhóm trẻ ĐLTT, nhóm trẻ gia đình ra đời như một tất yếu khách quan, phần nào san sẻ trách nhiệm với hệ thống trường công trong CS-GD trẻ dưới 3 tuổi ở các địa phương, góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến an sinh xã hội (như chăm sóc sức khỏe trẻ em, vấn đề việc làm, kinh tế gia đình...). Mặc dù Bộ, ngành và các địa phương đã thực hiện nhiều giải pháp trong quản lý chất lượng hoạt động CS-GD và đảm bảo an toàn cho trẻ trong nhóm, lớp ĐLTT, tuy nhiên việc tổ chức quản lý các nhóm trẻ này ở các cấp cũng như hoạt động của bản thân các nhóm lớp vẫn còn tồn tại những bất cập.

Để đề xuất được các giải pháp hữu hiệu về cơ chế quản lý nhằm nâng cao chất lượng CS-GD trẻ trong nhóm, lớp ĐLTT, năm 2015, Trung tâm nghiên cứu GDMN - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam phối hợp với tổ chức UNICEF đã tổ chức khảo sát thực trạng quản lý nhóm trẻ ĐLTT ở 2 tỉnh đại diện cho khu vực công nghiệp là Bình Dương và Vĩnh Phúc. Tại mỗi tỉnh, khảo sát ở hai phường trên địa bàn 1 thị xã (tỉnh Bình Dương là thị xã Bến Cát - phường Mỹ Phước và Thới Hòa; tỉnh Vĩnh Phúc là thị xã Phúc Yên - phường Hùng Vương và Trưng Nhị); mỗi phường khảo sát trực tiếp tại nhóm/lớp ĐLTT có phép và nhóm/lớp ĐLTT chưa có phép.

Các đối tượng tham gia khảo sát gồm: lãnh đạo UBND cấp huyện, cấp xã phụ trách vấn đề văn hóa - xã hội; đại diện tổ chức chính trị xã hội cấp huyện, cấp phường (Hội Phụ nữ, y tế, Hội Khuyến học, Đoàn Thanh niên, Mặt trận Tổ quốc,...); cán bộ quản lý GDMN cấp

tỉnh, huyện và cơ sở (trường và chủ nhóm trẻ ĐLTT); giáo viên (GV) mầm non; cha mẹ có con đang học tại các nhóm trẻ ĐLTT có phép và chưa có phép, cha mẹ có con trong độ tuổi dưới 36 tháng nhưng chưa gửi con đi học. Tổng số (tại mỗi tỉnh) đã có 23 cuộc phỏng vấn sâu và 12 cuộc thảo luận nhóm với sự tham gia của gần 100 lượt đối tượng khảo sát. Thời gian khảo sát: tháng 7-8/2015.

Kết quả khảo sát bước đầu cho thấy một số vấn đề cơ bản sau:

## 1. Nhu cầu xã hội về CS-GD trẻ dưới 36 tháng tuổi ở các cơ sở GDMN và mức độ đáp ứng nhu cầu

Hiện nay, nhu cầu gửi trẻ dưới 36 tháng tuổi tại các khu công nghiệp ở Việt Nam rất lớn. Cộng đồng xã hội, đặc biệt là cha mẹ trẻ (chiếm khoảng 80% là công nhân) có nhu cầu gửi trẻ dưới 36 tháng tuổi ngoài giờ hành chính (trước 6h30 - sau 16h30 và ngày thứ 7). Tuy nhiên, rất ít cơ sở GDMN công lập đảm bảo đủ điều kiện để nhận trẻ dưới 36 tháng tuổi, đặc biệt là trẻ dưới 12 tháng tuổi. Số trẻ được đến trường (cả công lập và ngoài công lập) chủ yếu tập trung vào độ tuổi 24-36 tháng, hầu như ít có trẻ ở độ tuổi dưới 12 tháng.

Số trẻ 0-36 tháng tuổi ở Phúc Yên (Vĩnh Phúc), Bến Cát (Bình Dương) tăng mạnh hàng năm; tuy nhiên, tính đến năm học 2014-2015, trường công lập, tư thực, nhóm trẻ ĐLTT tại Bến Cát chỉ đáp ứng được 38,1% tổng số trẻ, tỉ lệ này tại Phúc Yên là 66,4% nhưng lại có sự gia tăng, biến động hàng năm. Cụ thể:

- Mức độ đáp ứng nhu cầu gửi trẻ tại các trường mầm non công lập, tư thực tại Phúc Yên năm học 2012-2013 là 45,5% tổng số trẻ nhưng đến năm học 2014-2015, tỉ lệ này là 49,9% (tăng 4,4%); tại Bến Cát, năm học 2012-2013 chỉ có 8,8% tổng số trẻ,

\* Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

năm học 2014-2015, tỉ lệ này là 9,1% tổng số trẻ (tăng 0,28%).

- Mức độ đáp ứng nhu cầu gửi trẻ tại các nhóm ĐLTT có phép tại Phúc Yên năm học 2012-2013 là 14% tổng số trẻ nhưng đến năm học 2014-2015, tỉ lệ này là 16% (tăng 2%); tại Bến Cát năm học 2012-2013 có 15,2% tổng số trẻ, năm học 2014-2015 là 23,4% (tăng 8,2%).

- Mức độ đáp ứng nhu cầu gửi trẻ tại các nhóm ĐLTT chưa có phép có xu hướng tăng lên ở Phúc Yên nhưng giảm dần ở Bến Cát, cụ thể: tại Bến Cát, năm 2012-2013, tỉ lệ trẻ được nhận là 9,9% tổng số trẻ, năm 2014-2015, giảm còn 5,6%; tại Phúc Yên: nếu như trong năm học 2012-2013 và 2013-2014 không có trẻ trong các nhóm chưa được cấp phép thì đến năm học 2014-2015 đã có 53 trẻ 0-36 tháng tuổi học tại nhóm chưa được cấp phép.

Nghiên cứu cũng cho thấy rõ sự biến động diễn ra theo từng năm (thậm chí từng tháng, từng tuần) về số lượng nhóm và số trẻ trong mỗi nhóm ĐLTT, tương quan với sự thay đổi công việc của cha, mẹ trẻ.

## 2. Quản lý nhóm trẻ ĐLTT

### 2.1. Quản lý của ngành giáo dục (GD) và các tổ chức chính trị, xã hội đối với nhóm trẻ ĐLTT.

Theo quy định, việc quản lý loại hình trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tư thục được phân cấp như sau: UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về GD đối với nhà trường, nhà trẻ, độc lập thuộc loại hình tư thục. UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về GD đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo ĐLTT. Phòng GD-ĐT có trách nhiệm tham mưu, giúp cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về GD đối với nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo ĐLTT. Trên thực tế, UBND huyện, xã quản lý việc cấp phép thành lập trường mầm non, nhà trẻ ĐLTT, UBND xã quản lý việc cấp phép thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo ĐLTT; phòng GD-ĐT cấp phép hoạt động và thực hiện quản lý đối với nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo ĐLTT; trường mầm non công lập thường được giao cho chịu trách nhiệm quản lý về mặt chuyên môn (chương trình GD, kiểm tra hồ sơ sổ sách, cơ sở vật chất (CSV), đồ dùng đồ chơi...). Tuy nhiên, việc quản lý về mặt tài chính đối với các nhóm trẻ ĐLTT là khó thực hiện.

*Cơ chế phân cấp, phối hợp trong quản lý của các tổ chức chính trị, xã hội tại địa bàn:* Kết quả khảo sát cho thấy, đã có sự tham gia và phối hợp quản lý nhóm trẻ ĐLTT giữa cơ quan quản lý địa phương (UBND cấp xã) với các tổ chức xã hội (Y tế, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Ủy ban dân số, Mặt trận Tổ

quốc) với trường mầm non công lập phụ trách giám sát nhóm trẻ ĐLTT trên địa bàn. Tại Bình Dương, tổ dân phố là tổ chức có sự phối hợp và thể hiện vai trò tương đối rõ nét trong việc cùng tham gia quản lý nhóm trẻ ĐLTT. Những *khó khăn của các tổ chức xã hội trong việc tham gia, phối hợp trong quản lý nhóm trẻ ĐLTT* là: Đại diện các tổ chức chính trị, xã hội không có chuyên môn về GDMN và quản lý nhóm trẻ ĐLTT; chưa có văn bản cụ thể trong đó chỉ rõ quyền hạn, trách nhiệm của các tổ chức xã hội, cá nhân trong cộng đồng trong việc tham gia, phối hợp, quản lý giám sát nhóm trẻ ĐLTT; số lượng cán bộ của các tổ chức xã hội rất mỏng, phải đảm nhiệm nhiều công việc; bản thân các nhóm trẻ ĐLTT cũng chưa có sự chủ động trong việc phối hợp với các tổ chức xã hội trên địa bàn.

### 2.2. Quản lý nhóm trẻ ĐLTT của chủ nhóm

2.2.1. *Quản lý hoạt động chăm sóc - nuôi dưỡng trẻ.* Việc quản lý hoạt động chăm sóc - nuôi dưỡng trẻ của chủ nhóm được thực hiện dưới sự kiểm tra, giám sát và hỗ trợ về chuyên môn của phòng GD-ĐT và trường mầm non công lập trên địa bàn. Thực tế khảo sát cho thấy, các nhóm trẻ ĐLTT có xu hướng chú trọng nhiều đến hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng hơn là hoạt động GD trẻ. Tuy nhiên, chất lượng nuôi dưỡng trẻ tại các nhóm ĐLTT khó kiểm soát bởi các lí do: - Chi phí cho bữa ăn của trẻ do chủ nhóm tự cân đối thu-chi trên cơ sở kinh doanh có lãi; - CSVC của bếp ăn chưa đảm bảo yêu cầu về an toàn vệ sinh (chưa đạt tiêu chuẩn bếp 1 chiều theo quy định về diện tích, trang thiết bị trong bếp, không có tủ hấp/sấy khăn mặt, bát ăn của trẻ. Tại các nhóm trẻ gia đình thì sử dụng luôn bếp gia đình để thực hiện việc nấu ăn cho trẻ...); - Người nấu ăn cho trẻ đa số thiếu các chứng chỉ cần thiết để hành nghề (trên thực tế, nhiều nhóm sử dụng cô nuôi dạy trẻ đồng thời kết hợp nấu ăn cho trẻ, tuy nhiên qua khảo sát, có 78,5% GV có trình độ phổ thông và có chứng chỉ sư phạm mầm non, 20,3% được đào tạo chuyên ngành khác, chỉ có chứng chỉ sư phạm mầm non, không có chứng chỉ GV); - Sự kiểm soát khẩu phần, chất lượng bữa ăn chủ yếu được cơ quan quản lý kiểm tra dựa trên sổ sách và bảng thực đơn của nhóm lớp được thông báo công khai, không thường xuyên kiểm tra thực tế việc thực hiện thực đơn và kiểm tra mẫu thực phẩm.

2.2.2. *Quản lý hoạt động GD trẻ.* Theo quy định của **Luật Giáo dục**: "*Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập thực hiện Chương trình GDMN do Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ban hành.* Thực tế khảo sát cho thấy, vấn đề quản lý việc sử dụng chương trình GDMN

hiện chưa thật sự chặt chẽ cũng như chưa được thực hiện sử dụng thống nhất, đồng bộ tại các nhóm trẻ ĐLTT, chất lượng. Các hoạt động GD chưa được kiểm soát và đảm bảo theo yêu cầu của chương trình GDMN. Về hình thức, các nhóm trẻ ĐLTT đã thực hiện theo quy định, tuy nhiên nội dung và các hoạt động GD theo yêu cầu của chương trình chưa được chú trọng thực hiện, chất lượng GD còn nhiều bất cập. Các nguyên nhân cơ bản của hiện trạng này là: - Đa số chủ nhóm không nắm chắc được nội dung GD của chương trình (36,2% chủ nhóm không có chứng chỉ sư phạm mầm non/chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý), nên không hỗ trợ và kiểm soát được việc thực hiện chương trình của GV; - GV khó thực hiện được nội dung và hoạt động GD theo yêu cầu trong điều kiện GV ít, nhóm trẻ đông và ghép quá nhiều độ tuổi; - Điều kiện của các nhóm trẻ ĐLTT chưa đảm bảo cho việc thực hiện có chất lượng các nội dung và hoạt động GD theo yêu cầu của chương trình.

**2.2.3. Quản lý nhân sự.** Tại các nhóm trẻ ĐLTT, chủ nhóm là người tuyển dụng trực tiếp nhân sự cho nhóm lớp. Tùy theo trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn và thâm niên công tác, kinh nghiệm thực tế của người được tuyển dụng mà chủ nhóm thỏa thuận với họ về mức lương và phân công công việc. Việc trả lương cho GV, nhân viên phụ thuộc vào mức thu của từng nhóm. Chủ nhóm kiểm tra, đánh giá GV về chuyên môn thông qua việc dự giờ hoạt động chăm sóc, GD, qua quan sát các hoạt động hàng ngày. Đối với nhân viên bếp, chủ nhóm trẻ ĐLTT trực tiếp kiểm tra, đánh giá chất lượng nấu ăn, tinh thần thái độ hoặc dựa trên kết quả đánh giá của ban giám hiệu trường công lập khi họ đến kiểm tra, giám sát định kỳ tại nhóm trẻ... Trên thực tế, nhân sự ở các nhóm lớp ĐLTT còn thiếu và yếu về chất lượng, đặc biệt là thiếu tính ổn định. Đa số chủ nhóm có ít kinh nghiệm quản lý GD mầm non; GV, bảo mẫu đa số trẻ tuổi, mới tốt nghiệp các trường sư phạm, ít có kinh nghiệm trong chăm sóc GD trẻ. Có 36,2% chủ nhóm ĐLTT thiếu đồng thời cả chuyên môn về GDMN và nghiệp vụ quản lý nhóm trẻ ĐLTT; 30,3% GV đang dạy tại các nhóm trẻ ĐLTT có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, số còn lại (gần 70%) chỉ có trình độ trung cấp hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn GDMN. Nhiều chủ nhóm phản ánh việc quản lý nhân sự trong nhóm trẻ ĐLTT gặp khó khăn, cơ bản là: Đội ngũ GV, nhân viên không ổn định, tâm lý chưa yên tâm với công việc, luôn có nhu cầu chuyển đến trường công lập khi có cơ hội hoặc chuyển đến làm việc tại nhóm trẻ khác có chế độ chính sách (chế độ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm

thất nghiệp, chế độ thai sản, phúc lợi xã hội, chế độ làm việc) đầy đủ, thu nhập cao hơn.

**2.2.4. Quản lý tài chính, hành chính.** Chủ các nhóm trẻ ĐLTT là người trực tiếp quản lý về mặt tài chính cũng như thực hiện các khoản thu - chi trong nhóm. Các khoản thu từ cha mẹ trẻ thường bao gồm tiền học phí (khoảng 300.000đ - 400.000đ/tháng/1 trẻ), tiền ăn (15.000đ - 20.000đ/ngày/1 trẻ). Ngoài ra có một số khoản thu khác như: tiền đóng góp CSVC, đồng phục, học phẩm của trẻ. Mỗi chủ nhóm có sự quản lý và lựa chọn các sổ thu khác nhau. Kết quả khảo sát cũng cho thấy: về mặt hình thức, có sự công khai minh bạch về tài chính (thể hiện qua bảng tài chính công khai). Nhìn từ góc độ kinh tế, nếu thu - chi đúng theo sổ sách và báo cáo của chủ nhóm thì với nhóm trẻ có số lượng tối đa là 50 trẻ (theo quy định) thì tính riêng chi phí thuê mặt bằng để mở lớp trung bình đã là 12.000.000-15.000.000đ/tháng, trả lương cho GV trung bình hết 16.000.000/4 GV. Như vậy, về lý thuyết thu không đủ chi - điều mà không chủ nhóm kinh doanh nào có thể chấp nhận. Do đó, để đảm bảo cân đối thu chi trên cơ sở kinh doanh phải có lợi nhuận, trên thực tế các chủ nhóm đã có những giải pháp riêng, như: nhận trẻ vượt quá số lượng quy định, nhận GV/bảo mẫu có trình độ chuyên môn chỉ đạt hoặc dưới chuẩn nghề nghiệp để chỉ phải trả mức lương thấp.

**2.2.5. Quản lý về các điều kiện CSVC phục vụ hoạt động CS-GD trẻ.** Việc quản lý các điều kiện CSVC phục vụ hoạt động CS-GD trẻ cũng được phòng GD, trường mầm non kiểm tra, giám sát, chủ nhóm trẻ, lớp mẫu giáo ĐLTT có trách nhiệm rà soát, mua sắm, bổ sung theo quy định. Trên thực tế, nhiều nhóm lớp chỉ đảm bảo các điều kiện CSVC ở giai đoạn tiến hành các thủ tục để thành lập nhóm, khi nhóm đã đi vào hoạt động thì không đảm bảo duy trì được các điều kiện này theo quy định. Do đó, tình trạng chung là các điều kiện CSVC của nhiều nhóm lớp thiếu thốn, chưa đảm bảo. Hầu hết các nhóm trẻ ĐLTT có phòng học cải tạo từ nhà ở thuê mượn. Một số nơi xây dựng kiên cố nhưng chưa thực sự phù hợp với việc tổ chức hoạt động CS-GD trẻ mầm non; đồ dùng đồ chơi thiếu so với quy định, đặc biệt là thiếu các đồ chơi rất quan trọng đối với trẻ dưới 36 tháng tuổi (như đồ chơi nhằm phát triển vận động, phát triển vận động tinh và giác quan). Hầu hết các nhóm trẻ ĐLTT đều thiếu sân chơi hoặc khu vực chơi ngoài trời, diện tích sinh hoạt của trẻ rất chật hẹp, thiếu ánh sáng tự nhiên, trẻ ở đây ít được tiếp xúc với thiên nhiên; công trình vệ sinh chưa phù

hợp (bồn cầu dùng chung của người lớn, nhà vệ sinh ẩm thấp, trơn trượt...). Công tác vệ sinh đồ dùng đồ chơi, đảm bảo vệ sinh và an toàn với trẻ chưa được thực hiện thường xuyên và đúng quy định. Sự thiếu thốn này đặc biệt nghiêm trọng hơn ở các nhóm trẻ gia đình (toàn bộ nơi sinh hoạt của trẻ, công trình vệ sinh, bếp nấu đồ dùng chung với gia đình, tiềm ẩn nguy cơ không an toàn như: phích nước, các loại đồ dùng gia đình bằng thủy tinh, ổ điện... đều trong tầm với của trẻ...). Thực tế này gây nhiều khó khăn bất cập trong việc quản lý hoạt động của các *nhóm trẻ ĐLTT*.

### **2.3. Hạn chế của cơ chế quản lý hiện hành trong việc quản lý các nhóm trẻ ĐLTT:**

- Các cấp chính quyền (tỉnh/TP, quận/huyện) còn chưa vào cuộc một cách rất ráo; - Việc quản lý các nhóm trẻ ĐLTT chủ yếu giao cho cơ quan quản lý ngành GD (Sở GD-ĐT, Phòng GD-ĐT quận/huyện và trường mầm non công lập) chịu trách nhiệm chính; cha, mẹ trẻ chưa tham gia vào hoạt động quản lý; - Chưa có văn bản cụ thể của Nhà nước về quy chế phối hợp giữa các ban ngành, tổ chức xã hội trong công tác này); - Sự tham gia chưa thực sự tích cực của các cá nhân, tổ chức xã hội, thậm chí vai trò của UBND xã phường, các tổ chức cộng đồng chưa thể hiện, chế độ chính sách còn bất cập; - Lực lượng cán bộ phụ trách tại UBND cấp xã rất mỏng, phải kiêm nhiệm nhiều công việc trong khi lại không có chuyên môn GDMN; chuyên viên phụ trách mầm non tại Phòng GD-ĐT quá mỏng, địa bàn rộng; đội ngũ ban giám hiệu trường mầm non công lập rất ít (2-3 người) trong khi số nhóm trẻ ĐLTT rất nhiều nên hoạt động quản lý, giám sát các nhóm trẻ ĐLTT tại địa bàn không thể thực hiện thường xuyên và hiệu quả (ví dụ: tại phường Thới Hòa - thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương: 1 trường mầm non công lập phải đảm nhiệm 23 nhóm trẻ ĐLTT trên địa bàn).

Như vậy, việc tổ chức quản lý từ các cấp cũng như hoạt động của bản thân các nhóm lớp gặp không ít khó khăn do vướng mắc ở cơ chế quản lý, một số văn bản chỉ đạo từ các cấp quản lý còn chưa thật cụ thể và sát thực tiễn; sự biến động về số lượng, chất lượng của đội ngũ, khó khăn về điều kiện CSVC... Mặt khác, chế độ chính sách dành cho chủ nhóm, GV và trẻ ở các nhóm ĐLTT hiện nay còn nhiều bất cập, chưa tạo điều kiện khuyến khích các nhóm ĐLTT phát triển theo hướng nâng cao chất lượng CS-GD trẻ và làm tốt công tác xã hội hóa GD.

### **3. Một số khuyến nghị:**

- Ban hành văn bản quy định về cơ chế quản lý,

phân cấp, phối hợp và ủy quyền của các tổ chức xã hội, trong đó nêu rõ chế độ trách nhiệm (các quy tắc phối hợp, phân công trách nhiệm...) trong việc quản lý các nhóm trẻ ĐLTT cho từng tổ chức, cá nhân.

- Có chế độ chính sách cho các tổ chức xã hội, cá nhân tham gia phối hợp quản lý nhóm trẻ ĐLTT; thành lập câu lạc bộ các nhóm trẻ ĐLTT sinh hoạt định kỳ với mục đích cộng tác, chia sẻ kinh nghiệm, cùng hỗ trợ giúp đỡ các nhóm trẻ ĐLTT (tư vấn kinh nghiệm, thủ tục để các nhóm chưa có phép sớm được cấp phép, tư vấn giúp các nhóm đã hoạt động ổn định nâng cao chất lượng CS-GD, đảm bảo an toàn cho trẻ).

- Tăng cường thanh, kiểm tra hoạt động của các nhóm trẻ ĐLTT trên địa bàn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Xây dựng cơ chế quản lý nhóm ĐLTT chặt chẽ hơn theo hướng tăng cường sự phối hợp của các ban ngành, tổ chức đoàn thể, chính trị, xã hội, tổ dân phố...

- Nhà nước cần có chế độ hỗ trợ 1 phần bảo hiểm xã hội cho GV, người chăm sóc trẻ tại các nhóm trẻ ĐLTT như GV mầm non ở các trường mầm non công lập.

- Huy động nguồn ngân sách của địa phương để có chính sách hỗ trợ về CSVC, đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở GDMN ngoài công lập.

- Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ chủ nhóm, GV, bảo mẫu, người chăm sóc trẻ tại các nhóm lớp ĐLTT thông qua các hình thức khác nhau. □

### **Tài liệu tham khảo**

[1] Báo cáo khu vực “Thực trạng cơ chế quản lý nhóm trẻ độc lập tư thực khu vực công nghiệp - Nghiên cứu tại tỉnh Bình Dương và Vĩnh Phúc”. Hà Nội tháng 12/2015.

[2] Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em dưới 36 tháng tuổi tại các cơ sở giáo dục mầm non tỉnh Bình Dương, tháng 3/2015.

[3] Dự thảo (lần thứ 10) Đề án “Nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ 6-36 tháng tuổi, giai đoạn 2015-2020” của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, tháng 4/2014.

[4] Điều lệ trường mầm non, Ban hành kèm theo quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ GD - ĐT.

[5] Thủ tướng Chính phủ (2014). Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thực ở khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất đến 2020.

[6] Bộ GD-ĐT (2014). Văn bản hợp nhất Số 05/VBHN-BGDĐT, ngày 13/2/2014 về Điều lệ trường mầm non.